HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2020/NQ-HĐND	*Vĩnh Long, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 18

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 tháng 2020 của UBND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa IX, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND huyện - thị xã - thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Bùi Văn Nghiêm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số.11../2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc thực hiện chính sách hỗ trợ; điều kiện, phương thức hỗ trợ; căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ; giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Những nội dung khác liên quan đến chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn các phường thuộc thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn bao gồm những ngành, nghề được quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và những ngành, nghề khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

3. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc danh mục ngành, nghề tại Khoản 2 Điều này thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo

quy định pháp luật về đầu tư tại các huyện: Trà Ôn, Bình Tân, Vũng Liêm, Mang Thít và Tam Bình.

4. Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án thuộc danh mục ngành, nghề tại Khoản 2 Điều này thực hiện tại vùng nông thôn, không thuộc địa bàn quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị là doanh nghiệp có hợp đồng thu mua nông sản ổn định (ít nhất có thời hạn là 36 tháng) với nông dân hoặc các tổ chức đại diện của nông dân.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ bằng hình thức cấp bù chênh lệch lãi suất giữa lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước trong từng thời kỳ cho doanh nghiệp.

2. Ưu tiên hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị, xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết với nông dân; doanh nghiệp có dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; doanh nghiệp thực hiện các dự án nông nghiệp, nông thôn thuộc danh mục dự án mời gọi đầu tư của tỉnh.

3. Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư của doanh nghiệp đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ tín dụng có các mức hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ có lợi nhất.

4. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính cho từng dự án và cấp cho doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp đã thực hiện trả nợ vay đầu tư cho ngân hàng thương mại theo hợp đồng, khế ước vay và tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ (nợ gốc trong hạn theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng tín dụng và lãi vay). Không hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

Điều 5. Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ

1. Mức lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thực tế căn cứ theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại có hoạt động cho vay các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

2. Mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của nhà nước.

Chương II
NỘI DUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÍN DỤNG KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Điều 6. Điều kiện, phương thức hỗ trợ

1. Điều kiện được hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất theo Khoản 1 Điều 2 Quy định này;

b) Dự án đầu tư có hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại;

c) Hồ sơ, thủ tục hợp lệ theo Điều 8 Quy định này;

d) Sau khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động.

2. Phương thức hỗ trợ:

a) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất:

Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

b) Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ lãi suất:

- Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất: Tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, cụ thể đối với từng dự án theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

Việc giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho doanh nghiệp được thực hiện một lần cho một dự án nhưng đảm bảo không vượt quá thời gian hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 6 của quy định này.

Điều 8. Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ

Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được thực hiện liên thông và rút gọn thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ

Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP bao gồm ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương; vốn ngân sách tỉnh và vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, cụ thể:

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan.

2. Ngân sách tỉnh: Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện và khả năng cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% trên tổng kinh phí bố trí cho ngành nông nghiệp từ ngân sách tỉnh để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

3. Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và các quỹ hợp pháp khác.

Điều 10. Xử lý chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Bùi Văn Nghiêm